

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/DS-PT
Ngày 26-11-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Phùng Đức Chính

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Trọng V; sinh năm 1979; CCCD số 030079019*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 12/8/2021; địa chỉ: Đường B, khối 19, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị L; sinh năm 1943; CCCD số 020143000*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 01/5/2021; địa chỉ: Đường N, khối 12, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tổng Thị Thu H; sinh năm 1974; địa chỉ: Đường N, khối 12, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn;

2. Bà Phạm Thanh N; sinh năm 1980; CCCD số 020180004*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 12/8/2021; địa chỉ: Đường B, khối 19, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn;

3. Chị Phạm Trà M, sinh năm 2002; CCCD số 020302005**** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 31/5/2021; địa chỉ: Số 1/362, đường N, khối 18, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thị L, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Đinh Trọng V trình bày:

Ông với bà Hoàng Thị L và con gái của bà Hoàng Thị L là bà Tống Thị Thu H có mối quan hệ quen biết từ trước do thời gian trước nhà ông ở gần nhà bà Hoàng Thị L. Bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H đã vay tiền ông nhiều lần, có lần đã trả xong nhưng có lần chưa trả. Đối với bà Hoàng Thị L những lần vay tiền còn nợ chưa trả gồm:

Lần thứ nhất: Ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022 dương lịch), ông cho bà Hoàng Thị L vay 200.000.000 đồng tại nhà của bà Hoàng Thị L số nhà 50, đường N, khối 1 + 2, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là số nhà 50, đường N, khối 12, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn), mục đích bà Hoàng Thị L vay để tiêu dùng. Hôm đó, bà Hoàng Thị L tự tay viết Giấy biên nhận đề ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022 dương lịch) với nội dung bà Hoàng Thị L vay vợ chồng V-N số tiền 200.000.000 đồng, thời gian vay là 02 tháng, lãi của 02 tháng là 10.000.000 đồng. Ngay sau khi bà Hoàng Thị L viết giấy biên nhận xong, ông đã đưa cho bà Hoàng Thị L 200.0000.000 đồng tiền mặt. Bà Hoàng Thị L đưa cho lại ông 10.000.000 đồng tiền mặt để trả trước tiền lãi cho 02 tháng.

Sau 02 tháng, bà Hoàng Thị L không trả được nợ đúng hạn và thỏa thuận với ông vay thêm 02 tháng nữa và trả lãi trước của 02 tháng vay thêm số tiền là 12.000.000 đồng, ông đồng ý. Ngày 16/9/2022 ông đến nhà bà Hoàng Thị L đưa cho bà Hoàng Thị L Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 (âm lịch), bà Hoàng Thị L viết vào đó nội dung: vay số tiền 200.000.000 đồng thêm 02 tháng và đã trả trước tiền lãi của 02 tháng là 12.000.000 đồng. Hôm đó, bà Hoàng Thị L đã đưa cho ông 12.000.000 đồng tiền mặt để trả lãi trước cho 02 tháng tiếp theo. Hai tháng sau, bà Hoàng Thị L vẫn không trả được và lại thỏa thuận tiếp tục vay số tiền 200.000.0000 đồng, trả lãi hàng tháng khoảng 06 triệu đồng nên ông đồng ý vẫn tiếp tục cho bà Hoàng Thị L vay số tiền 200.000.000 đồng nói trên. Khoản vay này đến nay bà Hoàng Thị L chưa trả gốc và đã trả lãi cụ thể như sau: Ngày 16/7/2022 trả 12.000.000 đồng; ngày 16/9/2022 trả 12.000.000 đồng; ngày 16/11/2022 trả 15.000.000 đồng; ngày 20/01/2023 trả 6.000.000 đồng; ngày 19/02/2023 trả 6.500.000 đồng; ngày 16/3/2023 trả 6.500.000 đồng; ngày 16/4/2023 trả 6.500.000 đồng; ngày 16/5/2023 trả 6.500.000 đồng; ngày 16/6/2023 trả 6.500.000 đồng; ngày 16/7/2023 trả 6.500.000 đồng; ngày 15/8/2023 trả 6.500.000 đồng; ngày 16/9/2023 trả 6.000.000 đồng; ngày

16/10/2023 trả 6.000.000 đồng; ngày 16/11/2023 trả 6.000.000 đồng (trả trước đến ngày 16/12/2023). Tính đến ngày 16/12/2023, bà Hoàng Thị L đã trả lãi cho khoản vay này tổng cộng là 106.500.000 đồng. Ông xác định khoản nợ 200.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 (âm lịch) là bà Hoàng Thị L nợ ông, không phải là khoản vay của chị Tống Thị Thu H nhưng bà Hoàng Thị L đứng ra nhận hộ và trả lãi hộ như bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H trình bày. Các lần bà Hoàng Thị L trả lãi, bà Hoàng Thị L có ghi vào sổ theo dõi cá nhân và đưa cho ông ký nhận tiền, khi ký nhận tiền ông không đọc kỹ từng chữ nên không biết là bà Hoàng Thị L đã viết nội dung là “trả tiền hộ cho chị Tống Thị Thu H”, lúc đó ông chỉ để ý dòng ghi số tiền thấy đã đúng với số tiền được nhận nên đã ký nhận mà không thắc mắc gì.

Lần thứ hai: Ngày 28/02/2023, bà Hoàng Thị L hỏi ông vay thêm 100.000.000 đồng để mua sắm trang thiết bị cho khách sạn và trả lãi ngân hàng, thỏa thuận thời hạn vay 100 ngày, ông đồng ý. Giấy biên nhận đề ngày 28/02/2023 (tức ngày 09/02/2023 âm lịch) do bà Hoàng Thị L viết và ký tại nhà bà Hoàng Thị L. Sau khi bà Hoàng Thị L viết Giấy biên nhận đưa cho ông, ông đã đưa cho bà Hoàng Thị L 20.000.000 đồng tiền mặt và chuyển 80.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng mang tên Hoàng Thị L tại BIDV. Tại Giấy biên nhận nói trên không ghi về lãi suất nhưng thực tế hai bên thỏa thuận lãi vay trong 100 ngày là 2.000.000 đồng vì bà Hoàng Thị L nói là đang gặp khó khăn đề nghị tính lãi thấp cho bà nên ông đồng ý. Hôm đó bà Hoàng Thị L đã trả lãi trước 2.000.000 đồng bằng tiền mặt cho ông. Đến hạn, bà Hoàng Thị L không trả được nợ và thỏa thuận miệng với ông vay tiếp 100 ngày và đã trả lãi tiếp là 2.000.000 đồng/100 ngày cho ông. Khoản vay này đến nay bà Hoàng Thị L chưa trả gốc mà chỉ trả lãi được tổng cộng 4.000.000 đồng cho 200 ngày.

Đối với khoản vay theo Giấy biên nhận ngày 30/5/2023: Ngày 30/5/2023, bà Hoàng Thị L vay tiếp 100.000.000 đồng, thỏa thuận vay 01 tháng. Giấy biên nhận ngày 30/5/2023 do bà Hoàng Thị L viết và ký tại nhà bà Hoàng Thị L. Giấy biên nhận không ghi về lãi suất nhưng thực tế lúc đó hai bên thỏa thuận lãi là 2.000.000 đồng/tháng. Ông đưa tiền mặt cho bà Hoàng Thị L 100.000.000 đồng, bà Hoàng Thị L nhận tiền, không trả lãi trước như những lần trước. Sau khi khởi kiện ông mới biết ngày 31/7/2023, bà Hoàng Thị L đã trả xong khoản vay này nên ông rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay này.

Số tiền ông cho bà Hoàng Thị L vay là tiền riêng của cá nhân ông trong thời kỳ hôn nhân không liên quan đến vợ ông là bà Phạm Thanh N. Trước khi ông cho bà Hoàng Thị L vay các khoản vay nêu trên thì bà Tống Thị Thu H đang vay ông nhiều lần với số tiền lớn và đến nay bà Tống Thị Thu H vẫn chưa trả hết nợ, khoản bà Tống Thị Thu H vay ông là khoản vay khác không liên quan đến khoản vay của bà Hoàng Thị L trong vụ án này.

Nay ông xác định bà Hoàng Thị L còn nợ ông 02 khoản vay theo Giấy biên nhận đề ngày 18/9/2022 âm lịch và Giấy biên nhận ngày 28/02/2023. Đối với khoản vay theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 (âm lịch) ông yêu cầu bà Hoàng Thị L phải trả nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày

01/01/2024 đến nay với lãi suất là 20%/năm. Đối với số tiền lãi mà bà Hoàng Thị L đã trả, trường hợp vượt quá mức lãi suất quy định theo pháp luật, ông đề nghị trừ vào tiền nợ gốc. Đối với khoản vay theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023, ông yêu cầu bà Hoàng Thị L phải trả nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/01/2024 đến nay với lãi suất là 10%/năm.

Bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Trước đó, bà và ông Đinh Trọng V không có mối quan hệ giao tiếp gì, nhưng bà biết ông Đinh Trọng V vì vợ chồng ông Đinh Trọng V hay đến nhà bà gặp con gái của bà là bà Tống Thị Thu H để nói chuyện giải quyết về chuyện vay mượn tiền giữa hai bên.

Đối với Giấy biên nhận đề ngày 18/6/2022 âm lịch mà ông Đinh Trọng V giao nộp cho Tòa án, Giấy biên nhận này do bà viết và ký tại nhà bà. Do trước năm 2022, bà Tống Thị Thu H nợ tiền vợ chồng ông Đinh Trọng V khoảng 500.000.000 đồng không trả được nợ đúng hạn, vợ chồng ông Đinh Trọng V hay đến nhà bà đòi nợ bà Tống Thị Thu H, chửi bới, gây áp lực nên bà phải đứng ra nhận trả tiền lãi hộ cho bà Tống Thị Thu H đối với một phần khoản nợ là 200.000.000 đồng. Vợ chồng ông Đinh Trọng V bắt bà phải viết giấy nhận nợ với số tiền nợ là 200.000.000 đồng, bà đồng ý viết vì vừa để đứng ra trả nợ lãi giúp cho bà Tống Thị Thu H, vừa để vợ chồng ông Đinh Trọng V không đến nhà bà chửi bới ảnh hưởng đến việc kinh doanh khách sạn của bà. Bà viết Giấy vay tiền đề ngày 18/6/2022 theo nội dung ông Đinh Trọng V đọc cho bà viết với nội dung: bà vay anh chị V-N 200.000.000 đồng, thời gian vay là 02 tháng, lãi của 02 tháng là 10 triệu đồng nhưng thực tế hôm đó bà không được nhận một đồng tiền nào từ vợ chồng ông Đinh Trọng V mà còn phải đưa cho ông Đinh Trọng V 10.000.000 đồng để trả lãi 02 tháng của khoản nhận nợ 200.000.000 đồng này vì ông Đinh Trọng V yêu cầu phải trả lãi trước. Mục đích bà viết Giấy biên nhận này chỉ để nhận trả lãi hộ cho bà Tống Thị Thu H, không thỏa thuận trả gốc hộ nhưng ông Đinh Trọng V yêu cầu phải viết như vậy nên bà đã viết như vậy. Đến ngày 16/9/2022, ông Đinh Trọng V đưa Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 cho bà để bà viết vào đó cam kết trả tiền, bà đã viết tiếp vào Giấy biên nhận với nội dung: bà vay vợ chồng ông Đinh Trọng V số tiền 200.000.000 đồng thêm 02 tháng, đến 16/11/2022 sẽ trả hết số tiền trên và trả trước lãi của 02 tháng tiếp theo là 12.000.000 đồng; thực tế, hôm đó, bà đã trả cho ông Đinh Trọng V 12.000.000 tiền lãi. Sau đó, hàng tháng bà vẫn tiếp tục trả lãi cho khoản nợ này, lần cuối cùng bà trả lãi cho khoản này là ngày 16/11/2023 là trả lãi trước đến ngày 16/12/2023. Tổng cộng khoản nợ này bà đã trả tiền lãi hộ bà Tống Thị Thu H là 106.500.000 đồng, không trả gốc. Sau ngày 16/11/2023, bà không trả thêm số tiền nào nữa. Bà xác định khoản nợ này là của bà Tống Thị Thu H nên bà Tống Thị Thu H là người chịu trách nhiệm trả tiền cho ông Đinh Trọng V, bà không yêu cầu bà Tống Thị Thu H phải hoàn trả lại cho bà số tiền bà đã trả nợ giúp, trường hợp số tiền lãi bà đã trả vượt quá mức quy định, bà đề nghị trừ vào số tiền nợ gốc cho bà Tống Thị Thu H.

Đối với Giấy biên nhận đề ngày 28/02/2023 (tức ngày 09/02/2023 âm lịch): Giấy biên nhận này do bà viết và ký tại nhà bà. Bà được biết đầu năm 2023, bà Tống Thị Thu H thỏa thuận vay vợ chồng ông Đinh Trọng V 10 bát họ là 100.000.000 đồng, vay trong 100 ngày, cắt lãi trước 20.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả 1.000.000 đồng tiền gốc. Ông Đinh Trọng V chỉ đồng ý cho vay khi bà viết Giấy biên nhận đứng tên bà vay tiền nên bà đã viết Giấy biên nhận này do ông Đinh Trọng V đọc cho bà viết. Tại Giấy biên nhận bà viết: "tôi đã nhận đầy đủ số tiền vay bằng tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của tôi tài khoản số 35110000404239 tại ngân hàng BIDV chi nhánh Lạng Sơn", là bà chỉ viết theo những lời ông Đinh Trọng V đọc cho viết. Thực tế, hôm đó bà không được nhận đủ 100.000.000 đồng mà chỉ được chuyển vào tài khoản 80.000.000 đồng vì đã cắt lãi trước 20.000.000 đồng, bà không được nhận một đồng tiền mặt nào. Khoản vay này bà chỉ đứng tên trên giấy vay hộ bà Tống Thị Thu H, bà không trả nợ hộ bà Tống Thị Thu H mà do bà Tống Thị Thu H tự trả.

Đối với Giấy biên nhận đề ngày 30/5/2023: Giấy biên nhận này do bà viết và ký tại nhà bà. Bà được biết khoản nợ theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023, bà Tống Thị Thu H đã trả được 73.000.000 đồng, còn nợ 27.000.000 đồng. Ngày 30/5/2023, bà Tống Thị Thu H thỏa thuận vay thêm với ông Đinh Trọng V và thỏa thuận chuyển số tiền còn nợ 27.000.000 đồng của khoản vay ngày 28/02/2023 vào khoản vay mới, coi như khoản vay theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023 là đã trả xong. Ông Đinh Trọng V đồng ý cho bà Tống Thị Thu H vay nhưng vẫn với điều kiện là bà phải là người đứng ra vay tiền nên bà đã viết Giấy biên nhận này. Theo giấy biên nhận này bà vay 100.000.000 đồng trong 01 tháng, giấy không ghi lãi suất nhưng thực tế thỏa thuận lãi là 6.000.000 đồng/tháng và cắt lãi trước. Thực tế, bà chỉ còn được nhận 55.000.000 đồng vì đã trừ đi 45.000.000 đồng gồm: 27.000.000 đồng là số nợ còn lại theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023 chuyển sang, 12.000.000 đồng là khoản đang nợ khác của bà Tống Thị Thu H và 6.000.000 đồng cắt lãi trước. Ngay sau khi nhận tiền với ông Đinh Trọng V, bà đã đưa lại số tiền 55.000.000 đồng cho bà Tống Thị Thu H. Ngày 31/7/2023, bà đã trả khoản nợ này hộ bà Tống Thị Thu H. Bà đưa 100.200.000 đồng cho chị Phạm Trà M là người nhà của vợ chồng ông Đinh Trọng V, có xác nhận của chị Phạm Trà M viết và ký nhận tiền vào sổ theo dõi cá nhân của bà. Trong số tiền 100.200.000 đồng có 100.000.000 đồng là nợ gốc và 200.000 đồng là tiền lãi phát sinh thêm 01 ngày.

Các khoản vay theo các giấy biên nhận do bà viết, ký nói trên thực chất là bà Tống Thị Thu H vay vợ chồng ông Đinh Trọng V. Bà Tống Thị Thu H đã trả xong các khoản nợ theo giấy biên nhận ngày 28/02/2023 và Giấy biên nhận ngày 30/5/2023, chỉ còn nợ theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 âm lịch. Bà xác định bà không nợ tiền ông Đinh Trọng V nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trọng V đòi bà phải trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị Thu H trình bày: Bà là con ruột của bà Hoàng Thị L, sống cùng nhà với bà Hoàng Thị L, bà hoàn toàn cùng ý kiến với bà Hoàng Thị L. Bà Hoàng Thị L không vay tiền ông Đinh

Trọng V mà chỉ đứng ra viết giấy biên nhận để nhận nợ hộ bà và giúp bà trả một phần tiền gốc, lãi. Đến nay, bà chỉ còn nợ vợ chồng ông Đinh Trọng V theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 âm lịch, các khoản nợ theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023 và Giấy biên nhận này 30/5/2023 đã trả xong. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trọng V đòi bà Hoàng Thị L trả nợ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trọng V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thanh N trình bày: Bà là vợ của ông Đinh Trọng V. Bà biết bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H, do bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H có quan hệ vay tiền với ông Đinh Trọng V và bà biết hiện bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H vẫn đang nợ tiền ông Đinh Trọng V. Thực tế, khoản tiền bà Tống Thị Thu H hỏi vay tiền bà qua tin nhắn với bà mà bà Tống Thị Thu H cung cấp là tiền của ông Đinh Trọng V. Sau khi bà Tống Thị Thu H hỏi vay thì bà hỏi ông Đinh Trọng V, ông Đinh Trọng V nhất trí cho vay thì bà nói lại với bà Tống Thị Thu H và khi bà Tống Thị Thu H viết giấy vay tiền, nhận tiền vay là vay tiền với ông Đinh Trọng V không phải là vay bà. Những khoản tiền ông Đinh Trọng V cho bà Tống Thị Thu H, bà Hoàng Thị L vay là tiền của cá nhân ông Đinh Trọng V trong thời kỳ hôn nhân không liên quan đến bà. Ngày 31/7/2023, bà với ông Đinh Trọng V đang đi xa trên xe ô tô do ông Đinh Trọng V lái thì ông Đinh Trọng V bảo bà nhờ ai ở nhà đến nhà bà Hoàng Thị L nhận tiền giúp ông Đinh Trọng V nên bà đã nhờ chị Phạm Trà M là con của em ruột của bà đến nhận tiền với bà Hoàng Thị L mang về nhà hộ, sau khi nhận tiền, chị Phạm Trà M mang về nhà để vào tủ quần áo của bà. Vài ngày sau khi về nhà, bà đã tiêu dùng vào số tiền đó mà quên không nói lại cho ông Đinh Trọng V biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Trà M trình bày: Chị là cháu ruột của bà Phạm Thanh N nhưng thường gọi vợ chồng ông Đinh Trọng V, bà Phạm Thanh N là bố, mẹ. Ngày 31/7/2023, chị đến nhà bà Hoàng Thị L nhận số tiền 100.200.000 đồng mang về để vào tủ quần áo của bà Phạm Thanh N, chị chỉ nhận tiền mang về hộ giúp bà Phạm Thanh N, không biết đó là tiền gì, chị xác định chị không liên quan đến vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trọng V về việc yêu cầu bà Hoàng Thị L trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi đối với số nợ gốc theo Giấy biên nhận ngày 30/5/2023 giữa bà Hoàng Thị L với ông Đinh Trọng V.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đã rút yêu cầu khởi kiện theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Trọng V: Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho ông Đinh Trọng V tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là 307.347.272 (ba trăm linh bảy triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi hai) đồng, cụ thể:

2.1. Bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Trọng V số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2025 là 190.799.327 đồng; trong đó: Nợ gốc 143.354.785 đồng; nợ lãi là 47.444.542 đồng theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022 dương lịch) giữa bà Hoàng Thị L với ông Đinh Trọng V.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 27/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất là 20%/năm.

2.2. Bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Trọng V số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2025 là 116.547.945 đồng; trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; nợ lãi là 16.547.945 đồng theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023 giữa bà Hoàng Thị L với ông Đinh Trọng V.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 27/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất là 10%/năm.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Hoàng Thị L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Đinh Trọng V đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng mức lãi suất đối với khoản vay theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022 dương lịch) từ 20% xuống 10%/năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi bị đơn bà Hoàng Thị L trả hết tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Hoàng Thị L, bà Tổng Thị Thu H đều trình bày các khoản vay nợ thực chất đều là bà Tổng Thị Thu H vay, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Có đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022 dương lịch), xét thấy các tài liệu do bị đơn cung cấp phù hợp với lời khai của nguyên đơn về số tiền vay và số tiền lãi đã trả là 106.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn và người liên quan phía bị đơn là bà

Tổng Thị Thu H thừa nhận chưa trả số tiền gốc của khoản vay này. Như vậy, xác định khoản vay trên bị đơn đã trả lãi số tiền 106.500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp 20%/năm khoảng 49.854.785 đồng, số tiền đã trả lãi vượt quá khoảng 56.645.215 đồng được trừ vào nợ gốc, số tiền nợ gốc chưa trả là 143.354.785 đồng. Đối với nội dung lời khai và tài liệu thể hiện việc bị đơn trả lãi cho khoản vay của bà Tổng Thị Thu H là quan hệ giữa bị đơn và bà Tổng Thị Thu H. Nếu có tranh chấp đương sự có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với khoản vay theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023 (tức ngày 09/02/2023 âm lịch), thể hiện rõ nội dung bị đơn vay nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng trong thời hạn 100 ngày, mục đích vay mua sắm trang thiết bị. Nguyên đơn trình bày số tiền vay này ông chuyển khoản 80.000.000 đồng vào số tài khoản của bà Luyên và đưa tiền mặt cho bà Luyên 20.000.000 đồng. Lời khai nguyên đơn phù hợp với bảng sao kê tài khoản của bị đơn. Bị đơn trình bày khoản vay này do bà ký nhận giúp chị Tổng Thị Thu H để trả các khoản vay trước đó giữa chị Tổng Thị Thu H và nguyên đơn, thực chất bị đơn không được nhận tiền từ khoản vay trên. Tuy nhiên lời trình bày của bị đơn mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Mặt khác, bị đơn là người ký nhận giấy vay nợ và không cung cấp được các tài liệu chứng minh việc bị đơn đã trả tiền gốc, lãi vay cho nguyên đơn đối với khoản vay trên. Tại bút lục 146 có trong hồ sơ vụ án có thể hiện 01 giấy biên nhận tiền do bà Tổng Thị Thu H ghi nhận việc bà Tổng Thị Thu H có vay của nguyên đơn số tiền 75.000.000 đồng trong thời hạn 100 ngày, cùng ngày với khoản vay của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tổng Thị Thu H cung cấp một số tài liệu là các bản sao chụp tin nhắn điện thoại về việc trả tiền, tuy nhiên các tài liệu này không đủ căn cứ chứng minh việc bà Tổng Thị Thu H đã trả toàn bộ nợ gốc đối với khoản vay do bị đơn ký nhận. Về lãi xuất khoản vay, nguyên đơn trình bày bị đơn đã trả lãi 2.000.000 đồng/100 ngày sau đó chưa trả được nợ gốc nên thỏa thuận vay tiếp 100 ngày, đến ngày 16/9/2023 bị đơn đã trả 4.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, khoản vay này bị đơn đã trả được 4.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả nợ gốc. Do đó, kháng cáo của bị đơn về việc đã trả toàn bộ số tiền gốc đối với 02 khoản vay là không có căn cứ.

Xét kháng cáo của nguyên đơn về mức lãi suất 20%/năm: Đối với khoản vay 200.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022 dương lịch), giấy biên nhận ngày 18/6/2022 thỏa thuận số tiền lãi 10.000.000 đồng/02 tháng là vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trong thời gian vay nợ bị đơn đã trả tiền lãi 14 lần nhưng không cố định về số tiền lãi, không tính cụ thể tiền lãi trên số tiền gốc nhưng số tiền trả lãi đều vượt quá mức lãi suất theo quy định. Như vậy, xác định giao dịch vay tiền này là Hợp đồng vay có lãi, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn lại và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm, bị đơn đề nghị Tòa án trừ số tiền đã trả lãi

vượt quá mức 20%/năm vào số tiền nợ gốc. Như vậy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bên không có tranh chấp về lãi suất nên Bản án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 20% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất đối với khoản vay theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022 dương lịch) từ 20% xuống 10%/năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi bị đơn trả hết tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật; mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung này. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023 (tức ngày 09/02/2023 âm lịch), các bên không thỏa thuận về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với khoản vay trên, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 100.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục chịu tiền lãi với số nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất 10%/năm là đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 26/8/2025 của TAND khu vực 1 - Lạng Sơn. Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ nhất, có người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc đòi bà Hoàng Thị L trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi đối với số nợ gốc theo Giấy biên nhận ngày 30/5/2023 giữa bà Hoàng Thị L với ông Đinh Trọng V, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị L đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bản án buộc bị đơn chịu lãi suất 20% là không có cơ sở, thấy rằng:

[4] Nguyên đơn ông Đinh Trọng V và bị đơn bà Hoàng Thị L đều thừa nhận có quen biết nhau từ trước. Bà Hoàng Thị L thừa nhận được viết và ký vào các Giấy biên nhận đề ngày 18/6/2022 (âm lịch) và Giấy biên nhận đề ngày 28/02/2023, Giấy biên nhận ngày 30/5/2023 tại nhà của bà Hoàng Thị L.

[5] Xét Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 (âm lịch): Giấy biên nhận có nội dung ngày 18/6/2022 tại nhà của bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Thị L vay của vợ chồng ông Đinh Trọng V số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi là 10.000.000 đồng/02 tháng. Cuối giấy biên nhận có ghi nội dung: bà Hoàng Thị L đã trả lãi trước là 10.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của ông Đinh Trọng V. Bà Hoàng Thị L và chị Tống Thị Thu H cho rằng: thực tế bà Hoàng Thị L không vay tiền ông Đinh Trọng V mà bà Tống Thị Thu H mới là người vay tiền, do thời gian đó bà Tống Thị Thu H đang nợ vợ chồng ông Đinh Trọng V khoảng 500.000.000 đồng không trả nợ được đúng hạn nên vợ chồng ông Đinh Trọng V thường xuyên đến nhà bà Hoàng Thị L đòi nợ chị Tống Thị Thu H, chửi bới, gây áp lực, ảnh hưởng đến việc kinh doanh khách sạn của bà Hoàng Thị L nên bà Hoàng Thị L phải đứng ra nhận một phần của khoản nợ với số tiền là 200.000.000 đồng để trả lãi đối với phần nợ này giúp cho chị Tống Thị Thu H. Thực tế hôm đó, bà Hoàng Thị L viết giấy có nội dung vay 200.000.000 đồng nhưng không được nhận một đồng tiền nào mà còn phải đưa cho ông Đinh Trọng V 10.000.000 đồng để trả lãi trước cho 02 tháng.

[6] Ông Đinh Trọng V không thừa nhận nội dung bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H trình bày nêu trên. Ngoài lời trình bày, bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không chứng minh được việc bà Hoàng Thị L viết giấy Biên nhận ngày 18/6/2022 âm lịch là trong tình trạng không tự nguyện, bị ép buộc, đe dọa. Giấy biên nhận có nội dung thể hiện bà Hoàng Thị L vay 200.000.000 đồng với vợ chồng ông Đinh Trọng V và đã trả lãi trước cho 02 tháng với số tiền là 10.000.000 đồng. Ông Đinh Trọng V và vợ là bà Phạm Thanh N đều xác định khoản tiền bà Hoàng Thị L vay là tiền của cá nhân ông Đinh Trọng V trong thời kỳ hôn nhân, nên có căn cứ xác định bà Hoàng Thị L là người vay tiền ông Đinh Trọng V theo Giấy biên nhận ngày ngày 18/6/2022 (âm lịch). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và bà Tống Thị Thu H đều thừa nhận chưa trả số tiền gốc của khoản vay này.

[7] Về lãi suất của khoản vay tại Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 (âm lịch): Cả bà Hoàng Thị L và ông Đinh Trọng V đều xác định từ ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022 dương lịch) đến ngày 16/12/2022 bà Hoàng Thị L chưa trả gốc và đã trả tiền lãi nhiều lần với tổng số tiền lãi là 106.500.000 đồng. Số lãi thực tế bà Hoàng Thị L trả cho ông Đinh Trọng V đã vượt quá mức lãi suất 20%/năm, là vượt quá mức lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Dù các bên không thỏa thuận bằng văn bản về lãi suất, nhưng căn cứ vào số tiền lãi bà Hoàng Thị L đã trả thực tế cho ông Đinh Trọng V (10.000.000 đồng/02 tháng trên khoản vay 200.000.000 đồng), vượt quá mức 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cấp sơ thẩm xác định thỏa thuận lãi giữa các bên được áp dụng ở mức tối đa là 20%/năm theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, phần lãi vượt quá không được công nhận, số lãi vượt quá được trừ vào số nợ gốc là có căn cứ và tính đến ngày 17/12/2022, sau khi trừ đi số tiền lãi đã trả vượt quá quy định, bà Hoàng Thị L chỉ còn nợ ông Đinh Trọng V số tiền gốc là 143.354.785 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa

phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất đối với khoản vay này từ 20% xuống 10%/năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi bà Hoàng Thị L trả hết tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi suất nguyên đơn đề nghị là phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó cần sửa bản án sơ thẩm đối với nội dung này.

[8] Xét Giấy biên nhận ngày 28/02/2023 (tức ngày 09/02/2023 âm lịch): Giấy biên nhận có nội dung ngày 28/02/2023, tại nhà của bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Thị L vay vợ chồng ông Đinh Trọng V số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 100 ngày, mục đích vay để mua sắm trang thiết bị, đã nhận đầy đủ số tiền vay bằng tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bà Hoàng Thị L số tài khoản 35110000404239 tại BIDV – chi nhánh Lạng Sơn. Bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H đều trình bày thực chất khoản vay này là khoản vay bất họ của bà Tống Thị Thu H, bà Hoàng Thị L chỉ là người đứng tên vay hộ, vay 10 bất họ với số tiền 100.000.000 đồng trong 100 ngày, cắt lãi trước 20.000.000 đồng chỉ thực tế nhận được 80.000.000 đồng, hàng ngày mỗi ngày trả gốc 1.000.000 đồng. Sau đó, bà Tống Thị Thu H đã trả gốc được 73.000.000 đồng, chỉ còn nợ 27.000.000 đồng và hai bên đã thống nhất khoản vay này coi như đã trả xong và cộng 27.000.000 đồng vào khoản vay mới tại Giấy biên nhận ngày 30/5/2023. Ông Đinh Trọng V không thừa nhận những nội dung nêu trên. Ngoài lời trình bày, bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không chứng minh được bà Hoàng Thị L không tự nguyện mà bị ép buộc, đe dọa phải viết Giấy biên nhận. Giấy biên nhận có nội dung: bà Hoàng Thị L vay ông Đinh Trọng V 100.000.000 đồng, đã nhận đầy đủ số tiền vay bằng tiền mặt và chuyển khoản. Căn cứ vào nội dung Giấy biên nhận ngày 28/02/2023, căn cứ vào việc bà Hoàng Thị L được nhận 80.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Hoàng Thị L, căn cứ vào lời khai của ông Đinh Trọng V về việc chuyển khoản 80.000.000 đồng và đưa 20.000.000 đồng tiền mặt, cấp sơ thẩm xác định bà Hoàng Thị L là người vay tiền ông Đinh Trọng V số tiền gốc 100.000.000 đồng theo Giấy biên nhận là có căn cứ.

[9] Giấy vay tiền không thể hiện lãi suất, bà Hoàng Thị L và bà Tống Thị Thu H trình bày lãi là 20.000.000đồng/100 ngày và đã trả lãi trước, tuy nhiên không cung cấp được căn cứ chứng minh. Ông Đinh Trọng V trình bày khoản vay này bà Hoàng Thị L đã trả lãi là 2.000.000 đồng/100 ngày và đã trả lãi trước; sau 100 ngày bà Hoàng Thị L không trả được nợ gốc nên thỏa thuận vay tiếp 100 ngày và tiếp tục trả lãi trước 2.000.000 đồng/100 ngày; tổng cộng bà Hoàng Thị L đã trả lãi là 4.000.000 đồng cho 200 ngày tính đến ngày 16/9/2023, cấp xác định khoản vay này đã trả lãi đến ngày 16/9/2023, chưa trả gốc là có căn cứ. Từ ngày 17/9/2023 đến nay bà Hoàng Thị L chưa trả gốc và lãi. Hai bên đều xác định khoản vay này có lãi nhưng không thống nhất được về lãi, căn cứ theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cấp sơ thẩm xác định lãi suất là 10%/năm

và ông Đinh Trọng V yêu cầu bà Hoàng Thị L trả lãi với mức 10%/năm, tính lãi từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[10] Từ ngày 01/01/2024 đến nay bà Hoàng Thị L chưa trả gốc và lãi; xác định từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/8/2025 là 604 ngày với lãi suất 10%/năm số tiền lãi là 16.547.945 đồng, cấp sơ thẩm buộc bà Hoàng Thị L trả cho ông Đinh Trọng V số tiền nợ tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm gồm: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; nợ lãi là 16.547.945 đồng; tổng cộng là 116.547.945 đồng theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023 giữa bà Hoàng Thị L với ông Đinh Trọng V, kể từ ngày 27/8/2025, bà Hoàng Thị L phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Tại cấp phúc thẩm, bà Tống Thị Thu H cung cấp một số bản ảnh cho rằng là nội dung tin nhắn Zalo giữa bà Tống Thị Thu H và bà Phạm Thanh N nhằm chứng minh việc đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bản ảnh này chỉ thể hiện trao đổi chung về những khoản nợ khác nhau, không xác định rõ nội dung xác nhận đã thanh toán dứt điểm khoản vay 100.000.000 đồng đang tranh chấp, không đủ căn cứ chứng minh việc bà Tống Thị Thu H đã trả toàn bộ nợ gốc đối với khoản vay do bà Hoàng Thị L ký nhận. Do đó, không có cơ sở xác định bà Tống Thị Thu H hoặc bà Hoàng Thị L đã trả xong khoản nợ 100.000.000 đồng. Đối với nội dung cả bà Tống Thị Thu H và bà Hoàng Thị L đều cho rằng thực chất đây là khoản tiền bà Tống Thị Thu H vay ông Đinh Trọng V, bà Hoàng Thị L trả lãi cho khoản vay của bà Tống Thị Thu H, nếu các bên có tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền này thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[12] Từ những phân tích, đánh giá trên thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn; tuy nhiên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất theo nhận định [7] nêu trên.

[13] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị L; sửa một phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 26-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trọng V về việc yêu cầu bà Hoàng Thị L trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi đối với số nợ gốc theo Giấy biên nhận ngày 30/5/2023 giữa bà Hoàng Thị L với ông Đinh Trọng V.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đã rút yêu cầu khởi kiện theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Trọng V: Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho ông Đinh Trọng V tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2025 là 307.347.272 (ba trăm linh bảy triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi hai) đồng, cụ thể:

2.1. Bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Trọng V số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2025 là 190.799.327 đồng; trong đó: Nợ gốc 143.354.785 đồng; nợ lãi là 47.444.542 đồng theo Giấy biên nhận ngày 18/6/2022 âm lịch (tức ngày 16/7/2022 dương lịch) giữa bà Hoàng Thị L với ông Đinh Trọng V.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 27/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất là 10%/năm.

2.2. Bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Trọng V số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2025 là 116.547.945 đồng; trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; nợ lãi là 16.547.945 đồng theo Giấy biên nhận ngày 28/02/2023 giữa bà Hoàng Thị L với ông Đinh Trọng V.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 27/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất là 10%/năm.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Ông Đinh Trọng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Đinh Trọng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.063.000 (mười một triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn) đồng theo Biên lai số 0000629 ngày 04/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn) đang được gửi tại tài khoản số 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VI - Phòng nghiệp vụ 2. Bà Hoàng Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí phúc thẩm: Bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đường sự;
- Người TGTG khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Tuệ